

Số: 68 /BC- THKS

Kẻ Sắt, ngày 24 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Thông tin chung

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường tiểu học Kẻ Sắt

2. Địa chỉ: Số 227 đường Lạc Long Quân - Thị trấn Kẻ Sắt – Bình Giang – Hải Dương;
Điện thoại: 0987170269

Website: <http://bg-thkesat.haiduong.edu.vn>

3. Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND huyện Bình Giang

4. Sứ mệnh, Tầm nhìn, Mục tiêu.

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao

Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nề nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

- Lịch sử hình thành: Trường Tiểu học Kẻ Sắt huyện Bình Giang tỉnh Hải Dương nằm trên địa bàn thị trấn Kẻ Sắt, huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương. Trường được thành lập tháng 8 năm 2020 Theo Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện Bình Giang về việc sáp nhập trường tiểu học Kẻ Sắt và trường tiểu học Tráng Liệt thành trường tiểu học Kẻ Sắt. Trường được sáp nhập từ hai ngôi trường có truyền thống về chất lượng giáo dục đó là trường tiểu học Tráng Liệt và trường tiểu học Kẻ Sắt thành ngôi trường mang tên trường tiểu học Kẻ Sắt với diện tích hiện nay là 15000 m². Nhân dân trong xã và học sinh nhà Trường chủ yếu là người Thiên chúa giáo. Trường được Bộ Giáo dục đào tạo công nhận là trường chuẩn Quốc gia giai đoạn 1996 – 2000, được Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen năm 2001, UBND tỉnh công nhận tiếp tục giữ chuẩn quốc gia mức độ 1 lần 3 vào năm 2018. Trong nhiều năm liền hai nhà trường luôn được UBND huyện, xét công nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, TTLĐ tiên tiến, được Bộ giáo dục, UBND tỉnh tặng Bằng khen, chất

lượng giáo dục của nhà trường luôn được giữ vững, khảo sát đầu vào lớp 6 luôn đứng vị trí thứ nhất trong toàn huyện, là địa chỉ tin cậy của phụ huynh và học sinh, trường nhiều năm là lá cờ đầu của bậc học huyện Bình Giang được UBND Tỉnh tặng cờ thi đua.

- Trường Tiểu học Kê Sắt là trường công lập do UBND Huyện Bình Giang thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình GD tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành trên địa bàn thị trấn Kê Sắt.

- Xây dựng phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ GD&ĐT và nhiệm vụ giáo dục phát triển của địa phương. Thực hiện kiểm định chất lượng GD và thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Vũ Đình Thuấn ; Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 227 đường Lạc Long Quân - Thị trấn Kê Sắt – Bình Giang – Hải Dương;

Số điện thoại: 0987170269

Gmail: yudinhthuantrangliet1@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập trường

Trường tiểu học Kê Sắt được thành lập tháng 8 năm 2020 Theo Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện Bình Giang về việc sáp nhập trường tiểu học Kê Sắt và trường tiểu học Tráng Liệt thành trường tiểu học Kê Sắt.

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định thành lập hội đồng trường: Quyết định số 335B/QĐ-PGD&ĐT ngày 14/9/2020 của trường phòng giáo dục và đào tạo Bình Giang về việc thành lập hội đồng trường tiểu học Kê Sắt; Quyết định số 370/QĐ-PGD ngày 10 tháng 9 năm 2021 Trường phòng giáo dục về việc bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường trường tiểu học Kê Sắt, nhiệm kỳ 2020-2025

Danh sách Hội đồng trường:

ST T	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh hội đồng	Ghi chú
1	Vũ Đình Thuấn	BTCBH – Hiệu trưởng	Trường TH Kê Sắt	CTHĐ	
2	Vũ Huy Toàn	Giáo viên	Trường TH Kê Sắt	PCTHĐ	
3	Phạm Thị Lan	Tổ trưởng CM	Trường TH Kê Sắt	Thành viên	
4	Lê Thị Hào	Tổ trưởng CM	Trường TH Kê Sắt	Thành viên	
5	Hoàng Thị Mến	Tổ trưởng CM	Trường TH Kê Sắt		
6	Vũ Thị Liên	Tổ trưởng CM	Trường TH Kê Sắt		

7	Phạm Văn Công	Giáo viên	Trường TH Kẽ Sắt		
8	Lê Trung Kiên	Bí thư đoàn xã	Thị trấn Kẽ Sắt		
9	Chu Văn Dũng	Thường trực CMHS			

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng:

Quyết định Số 2792/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của UBND huyện Bình Giang Về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Kẽ Sắt.

Quyết định Số 3236/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND huyện Bình Giang Về việc điều động bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Kẽ Sắt.

Quyết định Số 2440/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND huyện Bình Giang Về việc bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Kẽ Sắt.

7.3. Quy chế tổ chức và hoạt động

- Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học Kẽ Sắt

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

Trường Tiểu học Kẽ Sắt làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ thủ trưởng và chịu trách nhiệm cá nhân. Mọi hoạt động của nhà trường phải tuân thủ các quy định của pháp luật, sự lãnh đạo của UBND huyện Bình Giang, các văn bản hướng dẫn

ngành giáo dục & đào tạo, Quy chế làm việc của trường và các văn bản quản lý của trường.

Hiệu trưởng lãnh đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; chịu trách nhiệm cá nhân trước UBND huyện Bình Giang và trước pháp luật theo quy định chức năng, nhiệm vụ của nhà trường, kể cả khi phân công hoặc ủy quyền cho các Phó hiệu trưởng hoặc cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

Trong phân công công việc, mỗi việc chỉ giao một bộ phận hoặc một cá nhân chịu trách nhiệm giải quyết và phải chịu trách nhiệm chính về công việc được giao. Các Phó hiệu trưởng giúp việc cho Hiệu trưởng được Hiệu trưởng phân công một số nhiệm vụ cụ thể, có trách nhiệm quản lý, điều phối giải quyết các công việc theo sự phân công và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng, trước pháp luật về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao. Trong trường hợp người Hiệu trưởng phân công hoặc ủy quyền cho cấp dưới thì người được giao công việc phải chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và trước pháp luật; Cán bộ, viên chức, giáo viên, nhân viên thuộc trường phải xử lý và giải quyết công việc đúng trình tự, thủ tục, phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Đề cao trách nhiệm trong phối hợp công tác, trao đổi thông tin giải quyết công việc và trong mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định.

Trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết công việc phải bảo đảm tuân thủ theo đúng Quy chế làm việc của nhà trường, trừ những công việc được yêu cầu giải quyết ở mức độ “Khẩn”, “Hỏa tốc”.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường Tiểu học Kẽ Sắt được thành lập Theo Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2020 của UBND huyện Bình Giang về việc sáp nhập trường tiểu học Kẽ Sắt và trường tiểu học Tráng Liệt thành trường tiểu học Kẽ Sắt. Trường có 2 điểm trường nằm ở trung tâm thị trấn Kẽ Sắt, cả 2 điểm trường đều có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường Tiểu học trọng điểm của địa bàn huyện Bình Giang.

Trường Tiểu học Kẽ Sắt là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Phòng GD&ĐT Bình Giang.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy:

- + 01 Hội đồng trường với 09 thành viên.
- + Lãnh đạo nhà trường: 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
- + Hội đồng thi đua khen thưởng: 01 Hội đồng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 54 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn có 68 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đoàn đội.
- + Ban đại diện CMHS.
- + Các tổ chuyên môn: 06 tổ chuyên môn.

7.4. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Vũ Đình Thuận	HT	0987170269	Vudinhthuantrangliet1@gmail.com
2	Dương Thị Kim Thêu	PHT	0976394010	duongktheu@gmail.com
3	Nguyễn Thị Hồng Huế	PHT	0988826490	trungghieu12008@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Số 227 đường Lạc Long Quân - Thị trấn Kẻ Sặt – Bình Giang – Hải Dương;

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (Có văn bản đính kèm).

II. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

1. Đội ngũ

* Cán bộ quản lý

Tổng số	Trình độ đào tạo			Trình độ chính trị		
	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp
3	2	1	0	0	3	0

* Giáo viên

Tổng số	Trình độ đào tạo				Loại hình						Biên chế	Hợp đồng	Thỉnh giảng
	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Văn hóa	ÂN	MT	TD	NN	Tin học			
61	1	60	0	0	49	2	2	3	5	0	61	0	0

* Nhân viên

Tổng số	Trình độ đào tạo				Loại hình			Biên chế	Hợp đồng
	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	KT-VT	TQ-YT	TV-TB		
4	0	2	2		1	1	2	4	0

So với yêu cầu nhà trường còn thiếu 6 giáo viên trong đó chưa có loại hình giáo viên tin học, nhà trường phân công giáo viên văn hóa, cán bộ văn phòng có bằng chuyên môn tin học và chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đảm nhiệm môn Tin học.

* Kết quả thi đua của trường năm học 2023-2024

Trường đề nghị cấp trên xét và công nhận:

- Trường đạt danh hiệu: Tập thể LĐTT
- Công đoàn đạt danh hiệu: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- Chi đoàn đạt danh hiệu: Vững mạnh;
- Liên đội đạt danh hiệu: Liên đội Vững mạnh xuất sắc;
- 47/47 lớp đạt danh hiệu: 37 lớp xuất sắc; 10 lớp Tiên tiến;
- Cá nhân: Đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở: 5 đ/c; CBQL 2 đ/c; GV 3 đ/c
- Cá nhân đạt danh hiệu CSTĐ cấp Tỉnh: CBQL 1 đ/c
- Tập thể: UBND huyện tặng khen
- Cá nhân: UBND huyện tặng khen: 5 đ/c
- Có 56 CBGV danh hiệu LĐTT;

Kết quả các hội thi do phòng Giáo dục tổ chức nhà trường luôn xếp vị trí đầu trong toàn huyện; kết quả khảo sát đầu vào lớp 6 nhà trường nhiều năm xếp thứ nhất trong toàn huyện;

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

- Hiệu trưởng: Phòng GD&ĐT đánh giá : Tốt

- Tổng số giáo viên và phó hiệu trưởng: 62 (trong đó Tốt: 20/62 = 32,3%; Khá 42/62 = 67,7%; TB: 0/62 = 0%.

III. Cơ sở vật chất:

1. Khối phòng hành chính quản trị

Tên phòng	Tổng số (Hiện có)	Trong đó				Tổng diện tích	Còn thiếu
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm		
Phòng Hiệu trưởng	1	1				30	
Phòng Phó hiệu trưởng	2	2				40	
Văn phòng	2	2				120	
Phòng Bảo vệ	2	2				40	
Khu vệ sinh của CB, GV, NV	5	5				120	
Khu để xe của CB, GV, NV	2	2				250	

Giải pháp khắc phục thiếu hoặc sửa chữa (nếu có): Tham mưu với địa phương xây khu hiệu bộ đáp ứng phòng họp hội đồng đảm bảo diện tích.

2. Khối phòng học tập

Tên phòng	Tổng số (Hiện có)	Trong đó				Tổng diện tích	Còn thiếu
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm		
Phòng học	50	50				2700	0
Phòng học bộ môn Âm nhạc	0						2
Phòng học bộ môn Mỹ thuật	0						2
Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	3	3				162	
Phòng học bộ môn Tin học	1					54	1
Phòng học bộ môn KH-CN	1					54	1
Phòng đa chức năng	0						1

Giải pháp khắc phục thiếu hoặc sửa chữa (nếu có): Tham mưu với địa phương xây dựng nhà đa năng, các phòng học bộ môn.

3. Khối phòng hỗ trợ học tập

Tên phòng	Tổng số (Hiện có)	Trong đó				Tổng diện tích	Còn thiếu
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm		
Phòng thư viện	2	2				108	
Phòng thiết bị	2	2				54	
Phòng tư vấn học	1	1				30	

đường							
Phòng truyền thống	1	1				30	
Phòng hoạt động Đội	1	1				30	

Giải pháp khắc phục thiếu hoặc sửa chữa (nếu có): Không

4. Khối phụ trợ

Tên phòng	Tổng số (Hiện có)	Trong đó				Tổng diện tích	Còn thiếu
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm		
Phòng họp	4	4				120	
Phòng y tế trường học	2	2				54	
Nhà kho	3	1				162	
Khu để xe của học sinh	2	2				300	
Khu vệ sinh của học sinh	10					400	
Cổng, tường bao, hàng rào.	2	2				960	

Giải pháp khắc phục thiếu hoặc sửa chữa (nếu có): Không

5. Khu sân chơi, thể dục thể thao

Tên	Diện tích	Đánh giá chất lượng sử dụng	Còn thiếu
Sân chơi	5000	Tốt	
Sân thể dục thể thao	2000	Chưa đảm bảo theo yêu cầu	

Giải pháp khắc phục thiếu hoặc sửa chữa (nếu có): Tham mưu địa phương xây dựng nhà đa năng thay cho sân tập

6. Khối phục vụ sinh hoạt

Tên phòng	Tổng số (Hiện có)	Trong đó				Tổng diện tích	Dự kiến thời điểm tổ chức bán trú
		Kiên cố	Cấp 4	Nhờ	Tạm		
Nhà bếp	0						
Kho bếp	0						
Nhà ăn	0						

Giải pháp khắc phục thiếu hoặc sửa chữa (nếu có): Xây dựng kế hoạch tổ chức ăn bán trú cho học sinh.

3. Hạ tầng kỹ thuật

- Hệ thống nước sạch: Các khu của nhà trường đều có hệ thống nước sạch đảm bảo tốt cho sử dụng, đảm bảo vệ sinh, môi trường xanh, sạch, đẹp, có hệ thống nước sạch, khu nhà vệ sinh, các trang thiết bị cơ sở vật chất ... đảm bảo tốt cho năm học mới

- Hệ thống cấp điện: Các khu nhà trường đều có hệ thống cấp điện đảm bảo công suất cho việc sử dụng.

- Hệ thống phòng cháy: Các khu nhà trường đều xây dựng các phương án phòng cháy, chữa cháy, có các thiết bị cần thiết cho việc phòng cháy, chữa cháy.

- Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc (*điện thoại, kết nối Internet,...*): Các khu nhà trường đều có hệ thống wifi phục vụ tốt cho việc kết nối Internet tạo điều kiện tốt cho học giảng dạy, học tập và làm việc của cán bộ giáo viên, học sinh.

- Khu thu gom rác thải: Nhà trường có hệ thống các thùng chứa rác thải, đã hợp đồng với công nhân vệ sinh môi trường thu gom rác thải theo đúng quy định, đảm bảo môi trường luôn sạch.

Bàn, ghế, bảng

Loại	Tổng số	Thiếu	Mua mới	Sửa
Bàn ghế giáo viên (<i>bộ</i>)	50	0	10	
Bàn học sinh	900	0	36	170
Ghế học sinh	1800	0	80	210
Bảng	50	0	5	0
Trong đó (<i>Bảng chống loá</i>)	50	0	5	0

4. Trang thiết bị

4.1. Hệ thống camera giám sát

Tổng số mắt thu	Năm lắp đặt	Tình trạng hoạt động	Nguồn kinh phí (<i>triệu đồng</i>)		Nhu cầu cần bổ sung
			Ngân sách	XHH	
20	2018	Tốt			không

4.2. Tivi, máy tính, máy chiếu, máy in, máy photocopy

Tên	Số lượng (chiếc, bộ)	Tình trạng hoạt động	Ghi chú
Tivi dùng cho văn phòng	1	Tốt	
Tivi trên lớp học	48	Tốt	
Máy tính dùng cho văn phòng	8	Tốt	
Máy tính dùng cho học sinh	16	Tốt	
Máy chiếu	2	Tốt	
Máy in	6	Tốt	
Máy photocopy	0		

* Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt:

- Sách giáo khoa lớp 1

TT	Tên sách (Tên bộ sách)	Tác giả (Ghi tất cả tên tác giả của bộ sách)	Tổ chức, cá nhân	Ghi chú
1	Tiếng Việt 1 (Tập 1) Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
2	Tiếng Việt 1 (Tập 2) Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
3	Toán 1 (Tập 1) Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
4	Toán 1 (Tập 2) Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
5	Đạo đức 1 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
6	TNXH 1 Bộ sách Cánh Diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái, Nguyễn Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
7	GD thể chất 1 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
8	Mĩ Thuật 1 Bộ sách Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục	Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Trần Thị Hương Ly, Hà Thị Quỳnh Nga, Phạm Văn Thuận, Nguyễn Thị Tuệ Thư	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
9	Âm nhạc 1 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
10	HĐTN 1 Bộ sách Cánh Diều	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Phạm Quang Tiệp, Ngô Quang Quế.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP HCM	
11	Tiếng Anh 1 Bộ sách Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Lương Quỳnh Trang	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

- Sách giáo khoa lớp 2

TT	Tên sách (Tên bộ sách)	Tác giả (Ghi tất cả tên tác giả của bộ sách)	Tổ chức, cá nhân	Ghi chú
1	Tiếng Việt 2 (Tập 1) Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng-Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Trần Kim Phượng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
2	Tiếng Việt 2 (Tập 2) Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng-Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
3	Toán 2 (Tập 1) Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
4	Toán 2 (Tập 2) Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
5	Đạo đức 2 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
6	TNXH 2 Bộ sách Cánh Diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái, Phùng Thanh Huyền.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
7	GD thể chất 2 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyền, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
8	Mĩ Thuật 2 Bộ sách Chân trời sáng tạo (bản 1)	Nguyễn Xuân Tiên, Nguyễn Thị Nhung (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Vũ Đức Long, Nguyễn Ánh Phương Nam, Lâm Yến Như, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
9	Âm nhạc 2 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
10	HĐTN 2 Bộ sách Cánh Diều	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Ngô Quang Quế.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP HCM	
11	Tiếng Anh 2 Bộ sách	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền,	Nhà xuất bản Giáo	

Global Success	Nguyễn Bích Thủy, Nguyễn Quốc Tuấn	dục Việt Nam	
----------------	------------------------------------	--------------	--

- Sách giáo khoa lớp 3

TT	Tên sách (Tên bộ sách)	Tác giả (Ghi tắt cả tên tác giả của bộ sách)	Tổ chức, cá nhân	Ghi chú
1	Tiếng Việt 3 (Tập 1) Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
2	Tiếng Việt 3 (Tập 2) Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
3	Toán 3 (Tập 1) Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
4	Toán 3 (Tập 2) Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
5	Đạo đức 3 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
6	TNXH 3 Bộ sách Cánh Diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phùng Thanh Huyền, Nguyễn Tuyết Nga, Lương Việt Thái.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
7	GD thể chất 3 Bộ sách Cánh Diều	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên), Nguyễn Thành Long, Phạm Đức Toàn, Vũ Thị Mai Phương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP HCM	
8	Mĩ Thuật 3 Bộ sách Chân trời sáng tạo (bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Anh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
9	Âm nhạc 3 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
10	HĐTN 3 Bộ sách Cánh Diều	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hằng, Ngô Quang Quế.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP HCM	
11	Tin học 3 Bộ sách Cánh Diều	Tổng chủ biên: Hồ Sĩ Đàm, Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên)	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
12	Công nghệ 3 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

13	Tiếng Anh 3 (Tập 1) Bộ sách Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
14	Tiếng Anh 3 (Tập 2) Bộ sách Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

- Sách giáo khoa lớp 4

TT	Tên sách (Tên bộ sách)	Tác giả (Ghi tất cả tên tác giả của bộ sách)	Tổ chức, cá nhân	Ghi chú
1	Tiếng Việt 4 (Tập 1) Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
2	Tiếng Việt 4 (Tập 2) Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
3	Toán 4 (Tập 1) Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên); Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quý Hường, Bùi Bá Mạnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
4	Toán 4 (Tập 2) Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên); Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quý Hường, Bùi Bá Mạnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
5	Đạo đức 4 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
6	Lịch sử & Địa lí 4 Bộ sách Cánh Diều	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên phần Lịch sử), Ninh Thị Hạnh, Nguyễn Thị Phương Thanh, Lê Thông (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Tuyết Nga (Chủ biên phần Địa lí), Phạm Thị Sen, Nguyễn Thị Trang Thanh.	Nhà xuất bản Đại học Su phạm	
7	Khoa học 4 Bộ sách Cánh Diều	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Bùi Phương Nga (Chủ biên), Phan Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái	Nhà xuất bản Đại học Su phạm	
7	GD thể chất 4 Bộ sách Cánh Diều	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh	Nhà xuất bản Đại học Su phạm	
8	Mĩ Thuật 4 Bộ sách Chân trời sáng tạo (bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
9	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh	Nhà xuất	

	Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga	bản Giáo dục Việt Nam	
10	HĐTN 4 Bộ sách Cánh Diều	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Lê Thị Hồng Chi, Nguyễn Thị Hương, Ngô Quang Quế	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP HCM	
11	Tin học 4 Bộ sách Cánh Diều	Tổng chủ biên: Hồ Sĩ Đàm, Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên)	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
12	Công nghệ 4 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
13	Tiếng Anh 4 (Tập 1) Bộ sách Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
14	Tiếng Anh 4 (Tập 2) Bộ sách Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

- Sách giáo khoa lớp 5

TT	Tên sách (Tên bộ sách)	Tác giả (Ghi tất cả tên tác giả của bộ sách)	Tổ chức, cá nhân	Ghi chú
1	Tiếng Việt 5 (tập 1, 2) Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Đỗ Hồng Dương, Trần Kim Phượng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
2	Toán 5 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Khải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
3	Khoa học 5 Bộ sách Cánh Diều	Bùi Phương Nga (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Hồng Bắc, Phan Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái	Công ty cổ phần Đầu tư xuất bản-Thiết bị giáo dục Việt Nam	
4	Lịch sử và Địa lí 5 Bộ sách Cánh Diều	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên LS), Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên LS), Ninh Thị Hạnh, Nguyễn Thị Phương, Thanh, Lê Thông (Tổng Chủ biên ĐL), Nguyễn Tuyết Nga (Chủ biên ĐL), Phạm Thị Sen, Nguyễn Thị Trang Thanh	Công ty Vepic	
5	Đạo đức 5 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Dung, Nguyễn Hoàng Anh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
6	Âm nhạc 5 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn Thị Phương Nga	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
7	Mĩ thuật 5 Bộ	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn	Nhà xuất bản	

	sách Chân trời sáng tạo bản 1	Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Anh Phương Nam, Phạm Văn Thuận	Giáo dục Việt Nam	
8	GDTC 5 Bộ sách Cánh Diều	Đình Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đình Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đình Thị Mai Anh	Công ty Vepic	
9	Tin học 5 Bộ sách Cánh Diều	Tổng chủ biên: Hồ Sĩ Đàm, Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên)	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	
10	Công nghệ 5 Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Giang Thiên Hương, Nguyễn Thị Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
11	HĐTN 5 Bộ sách Cánh Diều	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiếp (Chủ biên), Lê Thị Hồng Chi, Nguyễn Thị Hương, Ngô Quang Quế	Công ty cổ phần Đầu tư xuất bản-Thiết bị giáo dục Việt Nam	
12	Tiếng Anh 5 Bộ sách Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Nguyễn Minh Thuận, Nguyễn Quốc Tuấn, Đào Ngọc Lộc, Đỗ Thị Ngọc Hiền	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

IV. Kiểm định chất lượng giáo dục

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

- Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.
- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

Cụ thể:

Tự đánh giá

- + Tiêu chuẩn 1: Đạt 9/10 tiêu chí; tiêu chí 1.5 khối lớp và tổ chức lớp học không đạt, Trường 47 lớp, số lớp vượt quá 30 lớp
- + Tiêu chuẩn 2: Đạt 4/4 tiêu chí
- + Tiêu chuẩn 3: Đạt 5/6 tiêu chí; tiêu chí 3.3 khối phục vụ học tập và khối hành chính không đạt, chưa đủ phòng bộ môn, nhà đa năng, sân tập đảm bảo theo yêu cầu
- + Tiêu chuẩn 4: Đạt 2/2 tiêu chí;
- + Tiêu chuẩn 5: Đạt 5/5 tiêu chí;

Kết quả: Không đạt

V. Kết quả hoạt động giáo dục

1. Kế hoạch tuyển sinh: Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2023 – 2024 (Kế hoạch số 28/KH-THKS ngày 26/6/2023 của trường TH Kẽ Sắt)

* Đối tượng tuyển sinh

Trẻ 6 tuổi (sinh năm 2017), trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, lang thang cơ nhỡ sống trên địa bàn; trẻ trong độ tuổi tiểu học chưa ra lớp; trẻ em

ở nước ngoài về nước, con em người nước ngoài học tập và làm việc tại Việt Nam có độ tuổi không quá 3 tuổi so với quy định, trường hợp trẻ em vào học lớp 1 vượt quá 3 tuổi so với quy định nhà trường báo cáo Trường phòng GD&ĐT quyết định.

* Địa bàn tuyển sinh:

Khu 1; Khu 2; Khu 3; Khu 4; Khu 5; Khu Trung; Khu Thượng, Khu Hạ trên địa bàn thị trấn Kê Sắt.

* Chỉ tiêu tuyển sinh:

Thực hiện tuyển sinh vào lớp 1: 10 lớp, số lượng 342 học sinh.

* Thời gian tuyển sinh:

- Từ ngày 11/7/2023 đến hết ngày 13/7/2023: Nhận hồ sơ tuyển sinh;
- Ngày 14/7/2023: Hội đồng tuyển sinh họp, tổng hợp số lượng, hoàn thiện biên bản, danh sách, hồ sơ tuyển sinh năm học 2023-2024;
- Ngày 20/7/2023 duyệt kết quả tuyển sinh với phòng GD&ĐT;
- Ngày 21/7/2023 Công bố kết quả tuyển sinh lớp 1 năm học 2023-2024 trên bảng tin và trang web của nhà trường.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

* Quy mô số lớp, học sinh:

Năm học 2023 - 2024 nhà trường có tổng số 1579 em học sinh (trong đó có 5 học sinh khuyết tật học hòa nhập) được biên chế trong 47 lớp, cụ thể như sau:

Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng	
Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp
306	10	259	8	353	10	356	10	305	9	1579	47

* **Chất lượng giáo dục**

- **Khối lớp 1;2;3;4**

	Số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4	
			Tổng số HS có KQĐG	Khuyết tật	Tổng số HS có KQĐG	Khuyết tật	Tổng số HS có KQĐG	Khuyết tật	Tổng số HS có KQĐG	Khuyết tật
I. Kết quả học tập										
1. Tiếng Việt	1269	1.269	306	2	257		353	2	353	1
Hoàn thành tốt		963	242		199		252		270	
Hoàn thành		298	59	1	57		100	2	82	1
Chưa hoàn thành		8	5	1	1		1		1	
2. Toán	1269	1.269	306	2	257		353	2	353	1
Hoàn thành tốt		973	248		200		261		264	
Hoàn thành		288	53	1	56		91	2	88	1

Chưa hoàn thành		8	5	1	1		1		1	
3. Đạo đức	1269	1.269	306	2	257		353	2	353	1
Hoàn thành tốt		957	239		203		261		254	
Hoàn thành		307	63	1	54		92	2	98	1
Chưa hoàn thành		5	4	1					1	
4. Tự nhiên và Xã hội	1269	916	306	2	257		353	2		
Hoàn thành tốt		687	239		194		254			
Hoàn thành		225	64	1	62		99	2		
Chưa hoàn thành		4	3	1	1					
5. Khoa học	353	353							353	1
Hoàn thành tốt		271							271	
Hoàn thành		81							81	1
Chưa hoàn thành		1							1	
6. LS &ĐL	353	353							353	1
Hoàn thành tốt		257							257	
Hoàn thành		95							95	1
Chưa hoàn thành		1							1	
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	1269	1.269	306	2	257		353	2	353	1
Hoàn thành tốt		924	239		195		247		243	
Hoàn thành		341	64	1	62		106	2	109	1
Chưa hoàn thành		4	3	1					1	
8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	1269	1.269	306	2	257		353	2	353	1
Hoàn thành tốt		922	240		194		244		244	
Hoàn thành		344	63	1	63		109	2	109	1
Chưa hoàn thành		3	3	1						
9. Hoạt động trải nghiệm	1269	1.269	306	2	257		353	2	353	1
Hoàn thành tốt		934	239		196		251		248	
Hoàn thành		330	63	1	61		102	2	104	1
Chưa hoàn thành		5	4	1					1	
10. Giáo dục thể chất	1269	1.269	306	2	257		353	2	353	1
Hoàn thành		929	240		199		247		243	

tốt										
Hoàn thành		336	62	1	58		106	2	110	1
Chưa hoàn thành		4	4	1						
11. TH-CN (Công nghệ)	706	706					353	2	353	1
Hoàn thành tốt		537					260		277	
Hoàn thành		168					93	2	75	1
Chưa hoàn thành		1							1	
12. TH-CN (Tin học)	1269	706					353	2	353	1
Hoàn thành tốt		526					246		280	
Hoàn thành		180					107	2	73	1
Chưa hoàn thành										
13. Ngoại ngữ	1269	1.269	306	2	257		353	2	353	1
Hoàn thành tốt		987	260	1	202		251		274	
Hoàn thành		279	43		55		102	2	79	1
Chưa hoàn thành		3	3	1						
14. Tiếng dân tộc	1269									
Hoàn thành tốt										
Hoàn thành										
Chưa hoàn thành										
II. Năng lực cốt lõi										
Năng lực chung										
Tự chủ và tự học	1269	1.269	306	2	257		353	2	353	1
Tốt		946	238		195		261		252	
Đạt		317	63	1	62		92	2	100	1
Cần cố gắng		6	5	1					1	
Giao tiếp và hợp tác	1269	1.269	306	2	257		353	2	353	1
Tốt		947	238		197		260		252	
Đạt		316	63	1	60		93	2	100	1
Cần cố gắng		6	5	1					1	
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	1269	1.269	306	2	257		353	2	353	1
Tốt		928	238		194		244		252	
Đạt		334	63	1	62		109	2	100	1
Cần cố gắng		7	5	1	1				1	

Năng lực đặc thù										
Ngôn ngữ	1269	1.269	306	2	257		353	2	353	1
Tốt		964	242		197		254		271	
Đạt		300	60	1	60		99	2	81	1
Cần cố gắng		5	4	1					1	
Tính toán	1269	1.269	306	2	257		353	2	353	1
Tốt		977	247		200		261		269	
Đạt		285	54	1	56		92	2	83	1
Cần cố gắng		7	5	1	1				1	
Tin học	706	706					353	2	353	1
Tốt		513					243		270	
Đạt		193					110	2	83	1
Cần cố gắng										
Công nghệ	706	706					353	2	353	1
Tốt		533					258		275	
Đạt		172					95	2	77	1
Cần cố gắng		1							1	
Khoa học	1269	1.269	306	2	257		353	2	353	1
Tốt		957	241		198		248		270	
Đạt		305	60	1	58		105	2	82	1
Cần cố gắng		7	5	1	1				1	
Thẩm mỹ	1269	1.269	306	2	257		353	2	353	1
Tốt		931	239		193		247		252	
Đạt		334	63	1	64		106	2	101	1
Cần cố gắng		4	4	1						
Thể chất	1269	1.269	306	2	257		353	2	353	1
Tốt		931	239		193		247		252	
Đạt		336	65	1	64		106	2	101	1
Cần cố gắng		2	2	1						
III. Phẩm chất chủ yếu										
Yêu nước	1269	1.269	306	2	257		353	2	353	1
Tốt		987	248		201		284		254	
Đạt		280	56	2	56		69	2	99	1
Cần cố gắng		2	2							
Nhân ái	1269	1.269	306	2	257		353	2	353	1
Tốt		978	245		201		278		254	
Đạt		290	60	2	56		75	2	99	1
Cần cố		1	1							

+ Nguyên nhân khác										
IX. Chương trình lớp học	1269	1.269	306	2	257		353	2	353	1
Hoàn thành	1261	1.261	301	1	256		352	2	352	1
Chưa hoàn thành	8	8	5	1	1		1		1	

- Chất lượng khối lớp 5

	Số số	Tổng số HS có KQDG	Lớp 5	
			Tổng số HS có KQDG	Khuyết tật
<i>1. Kết quả học tập</i>				
<i>1. Tiếng Việt</i>	305	305	305	2
Hoàn thành tốt		215	215	
Hoàn thành		89	89	2
Chưa hoàn thành		1	1	
<i>2. Toán</i>	305	305	305	2
Hoàn thành tốt		187	187	
Hoàn thành		117	117	2
Chưa hoàn thành		1	1	
<i>3. Đạo đức</i>	305	305	305	2
Hoàn thành tốt		213	213	
Hoàn thành		91	91	2
Chưa hoàn thành		1	1	
<i>4. Khoa học</i>	305	305	305	2
Hoàn thành tốt		185	185	
Hoàn thành		119	119	2
Chưa hoàn thành		1	1	
<i>5. LS &ĐL</i>	305	305	305	2
Hoàn thành tốt		192	192	
Hoàn thành		112	112	2
Chưa hoàn thành		1	1	
<i>6. Âm nhạc</i>	305	305	305	2

Hoàn thành tốt		201	201	
Hoàn thành		103	103	2
Chưa hoàn thành		1	1	
7. Mĩ thuật	305	305	305	2
Hoàn thành tốt		205	205	
Hoàn thành		99	99	2
Chưa hoàn thành		1	1	
8. Thủ công, Kĩ thuật	305	305	305	2
Hoàn thành tốt		206	206	
Hoàn thành		98	98	2
Chưa hoàn thành		1	1	
9. Thể dục	305	305	305	2
Hoàn thành tốt		203	203	
Hoàn thành		101	101	2
Chưa hoàn thành		1	1	
10. Ngoại ngữ	305	305	305	2
Hoàn thành tốt		174	174	
Hoàn thành		130	130	2
Chưa hoàn thành		1	1	
11. Tin học	305			
Hoàn thành tốt				
Hoàn thành				
Chưa hoàn thành				
12. Tiếng dân tộc	305			
Hoàn thành tốt				
Hoàn thành				
Chưa hoàn thành				
II. Năng lực				
Tự phục vụ tự quản	305	305	305	2
Tốt		202	202	
Đạt		102	102	2
Cần cố gắng		1	1	
Hợp tác	305	305	305	2

Tốt		202	202	
Đạt		102	102	2
Cần cố gắng		1	1	
Tự học và giải quyết vấn đề	305	305	305	2
Tốt		202	202	
Đạt		102	102	2
Cần cố gắng		1	1	
III. Phẩm chất				
Chăm học chăm làm	305	305	305	2
Tốt		214	214	
Đạt		90	90	2
Cần cố gắng		1	1	
Tự tin trách nhiệm	305	305	305	2
Tốt		214	214	
Đạt		90	90	2
Cần cố gắng		1	1	
Trung thực kỷ luật	305	305	305	2
Tốt		214	214	
Đạt		90	90	2
Cần cố gắng		1	1	
Đoàn kết yêu thương	305	305	305	2
Tốt		214	214	
Đạt		90	90	2
Cần cố gắng		1	1	
IV. Khen thưởng				
- Giấy khen cấp trường		177	177	
- Giấy khen cấp trên		18	18	
V. HSDT được trợ giảng				
VI. HS.K.Tật				
		2	2	2
VII. HS bỏ học kỳ II				
+ Hoàn cảnh GDKK				
+ KK trong học tập				
+ Xa trường, đi lại K.khăn				

+ Thiên tai, dịch bệnh				
+ Nguyên nhân khác				
VIII. Chương trình lớp học	305	305	305	2
Hoàn thành	303	303	303	2
Chưa hoàn thành	2	2	2	

*** Tổng hợp chung chất lượng dạy và học**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp									
			Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
I	Tổng số học sinh	1574	306		257		353		353		305	
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1574	306	100.0	257	100.0	353	100.0	353	100.0	305	100.0
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	1574	306	100.0	257	100.0	353	100.0	353	100.0	305	100.0
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1148	238	77.8	195	75.9	261	73.9	252	71.4	202	66.2
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	419	63	20.6	62	24.1	92	26.1	100	28.3	102	33.4
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	7	5	1.6		0.0		0.0	1	0.3	1	0.3
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập	1574	306	100.0	257	100.0	353	100.0	353	100.0	305	100.0
	Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	560	148	48.4	135	52.5	152	43.1	125	35.4		0.0
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	551	89	29.1	58	22.6	84	23.8	106	30.0	214	70.2
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	454	64	20.9	63	24.5	116	32.9	121	34.3	90	29.5
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	9	5	1.6	1	0.4	1	0.3	1	0.3	1	0.3
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	1574	306	100.0	257	100.0	353	100.0	353	100.0	305	100.0
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1564	301	98.4	256	99.6	352	99.7	352	99.7	303	99.3
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	10	5	1.6	1	0.4	1	0.3	1	0.3	2	0.7
3	Khen thưởng	1092	254	83.0	209	81.3	268	75.9	226	64.0	135	44.3
	HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	992	227	74.2	193	75.1	237	67.1	218	61.8	117	38.4
	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	100	27	8.8	16	6.2	31	8.8	8	2.3	18	5.9

*** Kết quả các hội thi giao lưu, các hoạt động thi đua**

1	Thi giáo viên giỏi cấp trường, cấp huyện, cấp tỉnh	1. Cấp trường: 5 giải Nhất, 10 giải Nhì, 15 giải Ba, 25 giải khuyến khích từ 4 tổ. 2. Cấp huyện: 1 GV lớp 3 xếp thứ Nhất, 1 GV lớp 3 đạt GVG huyện; 1 GV lớp 5 xếp thứ Hai. Đồng đội xếp thứ 2 toàn huyện. 3. Cấp tỉnh: 1 GVG lớp 3 đạt tiết dạy Xuất sắc được Sở GD tặng khen.
2	Sáng kiến cấp trường, cấp huyện, cấp tỉnh...	1. Cấp trường: Tốt: 5 sáng kiến; Khá: 60 sáng kiến. 2. Cấp huyện: 5 sáng kiến 3. Cấp tỉnh: 1 sáng kiến
3	Kết quả các hội thi và giao lưu các cấp	Tổng các giải trong các hội thi và giao lưu 122 giải trong đó có nhiều giải vàng, giải bạc, giải nhất, giải nhì ..
4	Học sinh được hiệu trưởng tặng khen	1088 em

*** Kết quả thi đua của trường năm học 2023-2024**

Trường đề nghị cấp trên xét và công nhận:

- Trường đạt danh hiệu: Tập thể LĐTT
- Công đoàn đạt danh hiệu: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- Chi đoàn đạt danh hiệu: Vững mạnh;
- Liên đội đạt danh hiệu: Liên đội Vững mạnh xuất sắc;
- 47/47 lớp đạt danh hiệu: 37 lớp xuất sắc; 10 lớp Tiên tiến;
- Cá nhân: Đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở: 5 đ/c; CBQL 2 đ/c; GV 3 đ/c
- Cá nhân đạt danh hiệu CSTĐ cấp Tỉnh: CBQL 1 đ/c
- Tập thể: UBND huyện tặng khen
- Cá nhân: UBND huyện tặng khen: 5 đ/c
- Có 56 CBGV danh hiệu LĐTT;

Kết quả các hội thi do phòng Giáo dục tổ chức nhà trường luôn xếp vị trí đầu trong toàn huyện; kết quả khảo sát đầu vào lớp 6 nhà trường nhiều năm xếp thứ nhất trong toàn huyện;

3. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học; số lượng học sinh được tuyển vào THCS

- Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học: Năm học 2023-2024: 303 em
- Số lượng học sinh được tuyển vào lớp 6: 303 em

VI. Kết quả tài chính

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2023

*** Nguồn ngân sách:**

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, tiền học phí	0
I	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
a	Học phí	
b	Thu từ cấp bù học phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
a	Chi lương	
b	Chi hoạt động	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.516.523.000
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.11	Quỹ tiền lương	9.700.097.945
3.12	Chi hoạt động	816.425.055
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3.2.1	Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm bổ sung cơ sở vật chất	
3.2.2	Trẻ ăn trưa 3,4,5 tuổi	
3.2.3	Cấp bù miễn giảm học phí	
3.2.4	Giáo viên dạy lớp ghép và tăng cường Tiếng Việt	
3.2.5	Kinh phí nuôi sinh	
3.2.6	Chi phí học tập	
3.2.7	Học sinh khuyết tật	
3.2.8	Giáo viên dạy học sinh khuyết tật	
3.2.9	Chế độ của ND 76/2019/ND-CP	
3.2.10	Kinh phí cải cách tiền lương	
3.2.11	Các chế độ khác	
3.2.12	Chi khác	

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2023-2024

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND			
Học kỳ 1 năm học 2023-2024	8	4.575.000	
Học kỳ 2 năm học 2023-2024	12	9.000.000	
Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH			
Hỗ trợ học bổng			
Học kỳ 1 năm học 2023-2024			
Học kỳ 2 năm học 2023-2024			
Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập			
Học kỳ 1 năm học 2023-2024			
Học kỳ 2 năm học 2023-2024			

3. Công khai các khoản thu năm học 2023-2024 và dự kiến 2 năm tiếp theo

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
	Năm học 2023-2024			
1	Bảo hiểm y tế	46.935đồng/học sinh/tháng	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
	Năm học 2024-2025			
1	Bảo hiểm y tế	73.710đồng/học sinh/ tháng	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
2				
	Năm học 2025-2026			
1	Bảo hiểm y tế	73.710 đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	

4. Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc ngày 31/12/2023

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng		

5. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2023

STT	Nội dung	ĐVT	Số người/Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người		
II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng	4.969.369.860	
III	Các khoản giảm trừ			
	Số lượng NPT tính giảm trừ			
1	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh			
2	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học			
3	Bảo hiểm được trừ		527.328.495	
4	Bảo hiểm được trừ			
IV	Thu nhập tính thuế			

6. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2024

STT	Nội dung	Dự toán thu năm 2024	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2024	Dự toán thực hiện 6 tháng Cuối năm 2024	Dự toán thực hiện (6 tháng đầu năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nguồn dịch vụ				
1					
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.417.249.000	5.714.666.799	5.702.582.201	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Tiền lương		2.835.925.110	2.835.925.110	
	Lương hợp đồng theo chế độ				
	Phụ cấp lương		1.701.324.716	1.701.324.716	
	Các khoản đóng góp		809.065.429	809.065.429	
	Tiền thưởng				
	Phúc lợi tập thể				
	Thanh toán dịch vụ công cộng		27.138.424	27.138.424	
	Vật tư văn phòng		17.486.832	17.486.832	
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		14.438.000	14.438.000	
	Công tác phí		6.054.000	6.054.000	
	Chi phí thuê mướn		33.000.000	33.000.000	
	Sửa chữa tài sản phục vụ		51.917.920	51.917.920	

	công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên				
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		113.916.368	101.831.770	
	Chi khác		51.200.000	51.200.000	

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (đề b/c);
- Chi bộ, BGH, HĐT, Tổ CM, đoàn thể, giáo viên (CK);
- Website của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG
Vũ Đình Chuẩn